TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

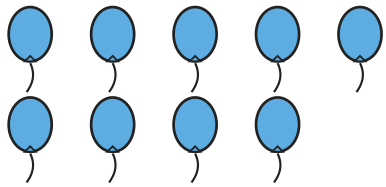
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 1 · Đề số 3

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu quả bóng bay trong hình?

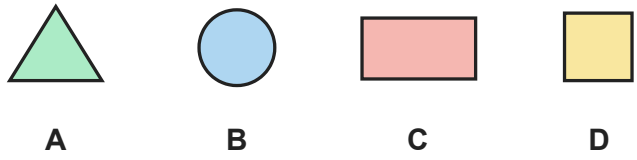


A. 7 **B.** 8 **C.** 9 **D.** 10

Câu 2. *(0,5 điểm)* Phép tính nào có kết quả bé nhất?

A. 4 − 2 **B.** 5 − 5 **C.** 1 + 3 **D.** 5 − 2

Câu 3. *(0,5 điểm)* Hình nào dưới đây là hình tròn?



A. Hình A **B.** Hình B **C.** Hình C **D.** Hình D

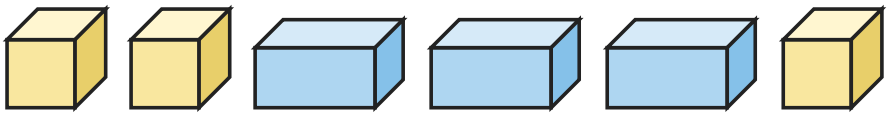
Câu 4. *(0,5 điểm)* Ba bạn xếp hàng: Dũng đứng trước Minh, Minh đứng trước Vy. Bạn nào đứng cuối hàng?

A. Phúc **B.** Vy **C.** Dũng **D.** Minh

Câu 5. *(0,5 điểm)* Chiếc đèn ở dưới cái bàn. Vậy cái bàn ở đâu so với chiếc đèn?

A. ở bên phải **B.** ở bên trái **C.** ở trên **D.** ở dưới

Câu 6. *(0,5 điểm)* Trong hình dưới đây có bao nhiêu khối lập phương?



A. 6 **B.** 5 **C.** 1 **D.** 3

Câu 7. *(0,5 điểm)* Các số 4, 6, 8, 9 được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 4, 6, 8, 9 **B.** 9, 8, 6, 4 **C.** 8, 4, 9, 6 **D.** 8, 6, 9, 4

Câu 8. *(0,5 điểm)* Trong các số 7, 8, 3, 1, số bé nhất là:

A. 1 **B.** 3 **C.** 7 **D.** 8

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 5 − 0 = 4	
b) 2 − 1 = 1	
c) 7 − 3 = 4	
d) 1 + 5 = 6	

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 gồm 1 và ……

b) 6 gồm …… và 2

c) 6 gồm 5 và ……

Câu 11. *(1 điểm)* Cho các số: 4, 2, 8, 6.

a) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn: …… ; …… ; …… ; ……

b) Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé: …… ; …… ; …… ; ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7, ……, ……, 4, 3, 2

b) 0, 2, ……, 6, 8, ……

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Có …… khối lập phương.

b) Có …… khối hộp chữ nhật.

c) Có tất cả …… khối.

Câu 14. *(1 điểm)* Trong rổ có 8 quả cam. Mẹ lấy ra 2 quả cam. Trong rổ còn lại bao nhiêu quả cam?

a) Phép tính: …… − …… = ……

b) Trả lời: Còn lại …… quả cam.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 1 · Đề số 3

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	B	B	C	D	A	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) S; b) Đ; c) Đ; d) Đ

Câu 10.

a) 6 gồm 1 và 5

b) 6 gồm 4 và 2

c) 6 gồm 5 và 1

Câu 11.

a) Từ bé đến lớn: 2, 4, 6, 8.

b) Từ lớn đến bé: 8, 6, 4, 2.

Câu 12.

a) 7, 6, 5, 4, 3, 2

b) 0, 2, 4, 6, 8, 10

Câu 13.

a) Có 5 khối lập phương.

b) Có 4 khối hộp chữ nhật.

c) Có tất cả 5 + 4 = 9 khối.

Câu 14.

a) $8 - 2 = 6$

b) Còn lại 6 quả cam.